

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29/5/2023

V/v tranh chấp "ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Văn Phôi

Ông Lê Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2023/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Ông A sinh năm 1975;

Địa chỉ: số 549/83, Nguyễn Đình Chiểu, phường A1, quận A2, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà B, sinh năm 1980;

Địa chỉ: số 317/16/1, tổ 1, khu phố B1, phường B2, thị xã B3, tỉnh Tiền Giang.
(ông A có mặt, bà B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 20/02/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà B do quen biết và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C1, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 355 ngày 20/9/2004. Sau khi cưới vợ chồng ông sống tại xã C huyện C1, tỉnh Tiền Giang với gia đình của ông. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian đến tháng 11 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau. Ông và bà B đã ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 11 năm 2022 đến nay. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn

nhân không hạnh phúc nên ông làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà B.

Về con chung: có 02 con chung tên C, sinh ngày 05/3/1999 và D, sinh ngày 30/11/2000. Hiện cháu C, D đã thành niên và có khả năng lao động được nên anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn bà B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bà B vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn bà B vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn”, bị đơn bà B có hộ khẩu thường trú tại số 317/16/1, tổ 1, khu phố 1, phường 5, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về quan hệ hôn nhân: ông A và bà B về chung sống với nhau vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C1, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 355 ngày 20/9/2004 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống hạnh phúc một thời gian thì đến tháng 11 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau. Ông và bà B đã ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 11 năm 2022 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy: sau khi ông A và bà B xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1997, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến tháng 11 năm 2022 phát sinh mâu thuẫn. Từ lúc ly thân khoảng tháng tháng 11 năm 2022 cho đến nay thì ông A và bà B không còn liên lạc với nhau. Sau khi tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho bà Trang để thông báo về yêu cầu ly hôn của ông A, nhưng bà B không có ý kiến gì; không có mặt tham gia các phiên hòa giải và phiên tòa, bà B không thể hiện được ý kiến, cũng không đưa ra biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng. Việc bà B không đến trong suốt quá trình tòa án giải quyết vụ án là bà B đã mặc

nhiên từ bỏ cơ hội để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ với nhau. Mặc dù, Tòa án đã động viên nhưng ông A vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với bà B. Từ những tình tiết trên, đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử nhận định tình trạng hôn nhân giữa ông Toàn bà B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông B là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên C, sinh ngày 05/3/1999 và D, sinh ngày 30/11/2000. Hiện hai con chung đã thành niên và có khả năng lao động được nên ông A không yêu cầu tòa án giải quyết, bà B không có ý kiến đối với con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Ông A xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà B không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Ông A xác định không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà B không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Buộc ông A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông A được ly hôn với bà B.

2. Về án phí: ông A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông A đã nộp theo biên lai thu số 0018390 ngày 21/02/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem như ông A đã nộp xong tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: ông A có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;

- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Kim Thoa

